

uigeli.xyz
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN TOÁN 6

Phần I: Trắc nghiệm (3,0 điểm) *Hãy chọn phương án trả lời đúng và viết chữ cái đứng trước phương án đó vào bài làm.*

Câu 1: Trong các cách viết sau, cách nào cho ta phân số:

- A. $\frac{6,5}{14}$ B. $\frac{3}{7}$ C. $3\frac{5}{6}$ D. $\frac{-3}{0}$

Câu 2: Số nghịch đảo của $-\frac{3}{5}$ là:

- A. $\frac{-5}{3}$ B. $\frac{5}{3}$ C. $\frac{3}{5}$ D. $\frac{-3}{5}$

Câu 3: Tỷ số phần trăm của 1 và 4 là:

- A. 75% B. 50% C. 25% D. 14%

Câu 4 : Kết quả của phép tính $\frac{-2}{15} + \frac{4}{15}$ là:

- A. $\frac{1}{15}$ B. $\frac{2}{15}$ C. $\frac{-1}{15}$ D. $-\frac{2}{15}$

Câu 5: Tử số của phân số $\frac{3}{4}$ là số nào sau đây?

- A. 4 B. 3 C. $3-4$ D. $4-3$

Câu 6. Phân số nào sau đây bằng phân số: $\frac{-3}{7}$:

- A. $\frac{-6}{-14}$ B. $\frac{15}{35}$ C. $\frac{9}{-21}$ D. $\frac{-7}{3}$

Câu 7. Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm A và B cho trước ?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. Vô số
đường thẳng

Câu 8. Trong hình vẽ, cho đoạn thẳng AB có độ dài 5 cm. Đoạn thẳng BA có độ dài bao nhiêu? Chọn khẳng định đúng

- A. 3 cm
B. 2 cm
C. 4 cm
D. 5 cm



Câu 9: Chia đều 1 thanh gỗ dài 8,32m thành 4 đoạn thẳng bằng nhau. Tính độ dài mỗi đoạn gỗ (Làm tròn kết quả đến hàng phần mười)

- A. 2m B. 2,18m C. 2,1m D. 2,08m

Câu 10 : Cho đoạn thẳng AB = 6 cm. Điểm K nằm giữa AB, biết KA = 4 cm thì đoạn thẳng KB bằng:

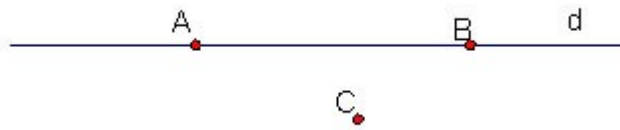
A. 10 cm

B. 6 cm

C. 4 cm

D. 2 cm

Câu 11 : Cho hình vẽ sau. Đáp án nào **sai**:



A. $A \in d$

B. $C \notin d$

C. $A \notin d$

D. $B \in d$

Câu 12: Cho trước 20 điểm, trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. Hỏi có thể vẽ được bao nhiêu đoạn thẳng đi qua các cặp điểm?

A. 160

B. 170

C. 180

D. 190

Phần 2: Tự luận (7,0 điểm)

Bài 1.(1 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $A = \frac{3}{4} + \frac{-5}{6}$

b) $B = \frac{3}{13} \cdot \frac{6}{11} + \frac{3}{13} \cdot \frac{9}{11} - \frac{3}{13} \cdot \frac{4}{11};$

Bài 2 (1 điểm) Thực hiện phép tính rồi làm tròn kết quả đến hàng phần trăm.

a) $0,756 + 4,843$

b) $0,432 \cdot 10 + 3,413 \cdot 10$

Bài 3.(1 điểm) Tìm x biết:

a) $x + \frac{5}{6} = \frac{3}{8}$

b) $\frac{2}{3} \cdot x - \frac{1}{2} = \frac{5}{6}$

Bài 4.(2 điểm):

1) Trong đợt thu kế hoạch nhỏ của khối lớp 6 đã thu được 1035kg giấy vụn. Lớp 6A thu được 105kg. Tính tỉ số phần trăm số giấy vụn lớp 6A đã thu so với toàn khối lớp 6 (Làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất).

2) Giá niêm yết của một thùng sữa là 254 000 đồng. Trong chương trình khuyến mãi, mặt hàng này được giảm giá 15%. Như vậy khi mua hộp sữa người mua cần phải trả số tiền là bao nhiêu?

Bài 5.(1,5 điểm):

Trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 3\text{cm}$, $OB = 6\text{cm}$.

a) Tính độ dài đoạn thẳng AB.

b) Điểm A có là trung điểm của OB hay không? Vì sao?

c) Vẽ tia Oy là tia đối của tia Ox.

Trên tia Oy lấy điểm C sao cho $OC = 4\text{cm}$. Tính độ dài đoạn thẳng CA.

Bài 6.(0,5 điểm) : Tìm các số nguyên n để phân số sau có giá trị nguyên: $\frac{n-5}{n-3}$

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

* Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
B	A	C	B	B	C	A	D	C	B	C	D

II. Phần tự luận (7 điểm)**Bài 1: (1 điểm)**

a) $\frac{3}{4} + \frac{-5}{6} = \frac{9}{12} + \frac{-10}{12}$ $= \frac{-1}{12}$	0,5 đ	b) B $= \frac{3}{13} \cdot \frac{6}{11} + \frac{3}{13} \cdot \frac{9}{11} - \frac{3}{13} \cdot \frac{4}{11}$ $= \frac{3}{13} \cdot \left(\frac{6}{11} + \frac{9}{11} - \frac{4}{11} \right)$ $= \frac{3}{13} \cdot \frac{11}{11} = \frac{3}{13}$	0,5 đ
--	-------	---	-------

Bài 2 (1 điểm)

a) $0,756 + 4,843 = 5,599$ Làm tròn đến hàng phần trăm là 5,6	0,5
b) $0,432 \cdot 10 + 3,413 \cdot 10$ $= 10 \cdot (0,432 + 3,413)$ $= 10 \cdot 3,845$ $= 38,45$ Làm tròn đến hàng phần trăm là 38,45	0,5đ

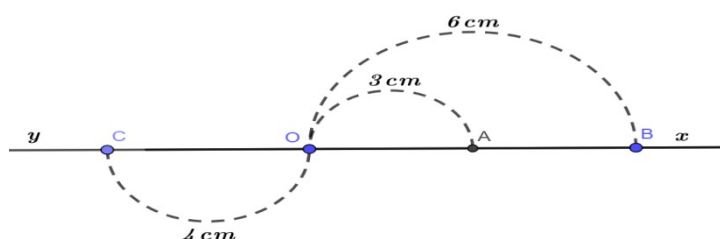
Bài 3: (1 điểm)

a) $x + \frac{5}{6} = \frac{3}{8}$ $x = \frac{3}{8} - \frac{5}{6}$ $x = \frac{9}{24} - \frac{20}{24}$ $x = -\frac{11}{24}$	0,5 đ	b) $\frac{2}{3} \cdot x - \frac{1}{2} = \frac{5}{6}$ $\frac{2}{3} \cdot x = \frac{5}{6} + \frac{1}{2}$ $\frac{2}{3} \cdot x = \frac{4}{3}$ $x = \frac{4}{3} : \frac{2}{3}$ $x = 2$	0,5 đ
---	-------	--	-------

Bài 4.(2 điểm):

1) Tỷ số phần trăm số giấy vụn lớp 6A đã thu so với toàn khối lớp 6 là: Vậy tỉ số phần trăm số giấy vụn lớp 6A đã thu so với toàn khối lớp 6 là 10,1%	1đ
2) Số tiền được giảm giá áp dụng chương trình khuyến mãi khi mua một thùng sữa là: $254\ 000 \cdot 15 : 100 = 38\ 100$ (đồng) Số tiền người đó cần phải trả là $254\ 000 - 38\ 100 = 215\ 900$ (đồng) Vậy khi mua hộp sữa người mua cần phải trả số tiền là 215 900đồng	1đ

Bài 5.(1,5 điểm):



a) Độ dài đoạn thẳng AB là $6 - 3 = 3(\text{cm})$

0,5 đ

b) A có là trung điểm của AB, học sinh tự giải thích.

0,5 đ

c) $CA = OC + OA = 3 + 4 = 7(\text{cm})$

0,5 đ

Bài 6.(0,5 điểm):

$$\frac{n-5}{n-3}$$

có giá trị nguyên khi $(n-5) \vdots (n-3)$

hay $[n-3+3-5] \vdots (n-3)$

$$[(n-3)+(3-5)] \vdots (n-3)$$

$$[(n-3)+(-2)] \vdots (n-3)$$

0,25đ

Vì $(n-3) \vdots (n-3)$. Suy ra $-2 \vdots (n-3) \Rightarrow n-3 \in U(-2)$

$$U(-2) = \{-1; 1; -2; 2\}$$

Tìm được $n \in \{2; 4; 1; 5\}$

0,25đ

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập	Vấn đáp, kiểm tra miệng	Phiếu quan sát trong giờ học	
Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học	Kiểm tra viết	Thang đo, bảng kiểm	
Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,...	Kiểm tra thực hành	Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp	

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Cộng
--------	-----------	------------	----------	--------------	------

Tên Chủ đề	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1. Phân số	Phân số - Tc cơ bản của phân số		-Các phép tính về phân số, phân số bằng nhau - Tìm x				Tìm n để phân số có giá trị nguyên		
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	3(c1,2,5) 0,75 7,5%		2(c4,6) 0,5 5%	2(c1,3)) 2 20%				1(c6) 0,5 5%	8 3,75 37,5%
2. Số thập phân			-Tính tỉ số phần trăm - Tính toán với số thập phân, làm tròn số.		Áp dụng công thức tính tỉ số và tỉ số phần trăm vào bài toán thực tế				
Số câu Số điểm Tỉ lệ %			1(c3) 0,25 2,5%	1(c2) 1 10%		1(c4) 2 20%			3 3,25 32,5%
3. Đoạn thẳng	-Xác định số đoạn thẳng đi qua hai điểm cho trước -Xác định độ dài đoạn thẳng		Tính độ dài đoạn thẳng		-Tính độ dài đoạn thẳng -Trung điểm của đoạn thẳng		-Xác định số đoạn thẳng		
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	3(c7,8,11) 0,75 7,5%		1(c10) 0,25 2,5%		1(c9) 0,25 2,5%	1(c5) 1,5 15%	1(c12) 0,25 2,5%		7 3 30%
TS câu TS điểm Tỉ lệ %	6 1,5 15%		4 1 10%	3 3 30%	1 0,25 2,5%	2 3,5 35%	1 0,25 2,5%	1 0,5 5%	18 10 100%